TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 23 - 4 - 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Học.
2. Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: Số 89 phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí D - Tổng giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T - Cán bộ Ngân hàng V "Có mặt".

2. Bị đơn: **Anh Trần Đình T**, sinh năm 1973 "Vắng mặt".

Địa chỉ: Cụm 6, xã T, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày như sau: Ngân hàng TMCP V và anh Trần Đình T đã ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử. Cụ thể: Ngày 18/01/2017 ký Văn bản số: 11718230 với số tiền cho vay 200.000.000 đồng, ngày giải ngân 25/01/2017; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên. Ngày 28/6/2017 tiếp tục ký Văn bản số: 324 – P – 8588138; số tiền cho vay 69.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 28/7/2018 anh T đã trả được số tiền 71.908.801 đồng, bao gồm nợ gốc 18.248.251 đồng, nợ lãi 53.660.550 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 28/7/2018 là

250.256.066 đồng; trong đó: Nợ gốc 214.647.901 đồng, nợ lãi 35.608.165 đồng. Do anh T đã vi phạm nghĩa vụ như đã ký kết, cho nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2018 là 250.256.066 đồng, bao gồm nợ gốc 214.647.901 đồng, nợ lãi 35.608.165 đồng. Thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận, kể từ ngày 28/7/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đình T đã được triệu tập nhưng không đến Tòa để giải quyết và cũng không có ý kiến gì về việc Ngân hàng khởi kiện đối với anh.

- Tại phiên tòa hôm nay: Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh T phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi tại Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324 – P – 8588138 ngày 28/6/2017, vì anh T đã thanh toán xong khoản nợ đó. Hiện tại Ngân hàng yêu cầu anh T phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng số: 11718230
ngày 18/01/2017; tính đến ngày 12/4/2019 với số nợ gốc 181.751.749 đồng, nợ lãi 103.750.151 đồng, tổng cộng là 285.501.900 đồng và anh T phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 13/4/2019 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

- Kiểm sát viên phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tiến hành theo đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, đây là sự tự nguyên nên cần chấp nhận. Tuy nhiên do một số chứng cứ Ngân hàng chưa cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng đã cung cấp bổ sung nhưng còn thiếu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần V và anh Trần Đình T đã ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với nhau. Trong quá trình thực hiện, anh T vi phạm nghĩa vụ, do đó Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản nên thụ lý vụ án là đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đình T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh T không có mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng thì thấy: Giữa Ngân hàng và anh Trần Đình T đã thỏa thuận và tự nguyện ký kết Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với nhau. Cụ thể ngày 18/01/2017 ký Văn bản số: 11718230 với số tiền cho vay 200.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên là ngày 25/01/2017. Ngày 28/6/2017 ký tiếp Hợp đồng tín

dụng số: 324 – P – 8588138; số tiền cho vay 69.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên. Đối với khoản vay này anh T đã thanh toán xong, nên Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện khoản vay đó, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, ký kết ngày 18/01/2017, ngày giải ngân 25/01/2017. Đây là việc vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, các bên đã tự nguyện thỏa thuận để ký kết vay nợ với nhau, không có sự ép buộc, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy Văn bản ký kết giữa các bên là hợp pháp và có hiệu lực đối với các bên tham gia. Tính đến ngày 28/7/2018 anh T đã trả được số tiền 71.908.801 đồng, bao gồm nợ gốc 18.248.251 đồng, nợ lãi 53.660.550 đồng. Thời gian sau này anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T thanh toán tiền và Thông báo khởi kiện đối với anh T, nhưng anh T đều không thực hiện theo yêu cầu. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh T phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi được chấp nhận.

Buộc anh T thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 12/4/2019 là 181.751.749 đồng tiền nợ gốc, nợ lãi là 103.750.151 đồng và anh T phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 13/4/2019 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên anh T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

Chấp nhân yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V

Buộc anh Trần Đình T phải trả Ngân hàng số tiền nợ, tính đến ngày 12/4/2019 là 181.751.749 đồng tiền nợ gốc, lãi 103.750.151 đồng; tổng cộng là 285.501.900 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm linh một nghìn chín trăm đồng).

Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 13/4/2019 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: 11718230 ngày 18/01/2017 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Về án phí: Anh Trần Đình T phải chịu 14.275.095 đồng (Mười bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp,

tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005442 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Duy Chinh

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank);

Buộc anh Trần Văn Long và chị Cấn Thị Duyên phải trả cho GP Bank số tiền là:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án

2/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Trần Văn Long và chị Cấn Thị Duyên phải chịu án phí sơ thẩm là: . Hoàn lại cho GPBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.576.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005297 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

GPBank được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Trần Văn Long và chị Cấn Thị Duyên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội được quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ nhận được bản án

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 574/2013/HĐTC, quyển số: 02/TPÓCC/HĐGD, công chứng ngày 02/04/2013 với nội dung: Ông Trần Văn Long và bà Cấn Thị Duyên đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số 731, tờ bản đồ số 01, có diện ích 208m^2 tại địa chỉ: Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội để vay vốn tại Ngân hàng
- Phụ lục hợp đồng sửa đổi một số điều khoản của "Hợp đồng thế chấp tài sản kí ngày 02/04/2013, số công chứng 574/2013/HĐTC quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD" số công chứng 92/2015/PL, quyển số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 20/01/2014 với nội dung sửa đổi: sửa nghĩa vụ bảo lãnh tối đa từ 1.024.000.000 VNĐ (Một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng chẵn) thành ngiã vụ bảo lãnh tối đa là 1.300.000.000 VNĐ (Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn)

Hồ sơ tài sản thế chấp:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 643255, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00738 do UBND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/05/2012 cho ông Đặng Quốc Chinh, đã được chuyển nhượng cho ông Trần Văn Long ngày 30/12/2012.
- Thủ tục pháp lý: Tài sản này dùng để đảm bảo cho khoản vay của ông Trần Văn Long và bà Cấn Thị Duyên tại GPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 574/2013/HĐTC, quyển số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 02/04/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 02/04/2013.

Thông tin về các lần giải ngân đối với Hợp đồng tín dụng số 0018/2014/HVT/HĐHM ngày 27/01/2014

- Khế ước nhận nợ số 0118/2014/HVT/KU03 ngày 24/12/2014

+ Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)

+ Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh;

+ Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 24/12/2014 đến 24/09/2015

+ Hình thứuc trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 24/09/2015; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.

+ Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 VNĐ.

Thông tin về các lần giải ngân:

- Khế ước nhận nợ số 0024/2015/HVT/KU01 ngày 22/01/2015

+ Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)

+ Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh và sản xuất ống cút nhựa

+ Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 22/01/2015 đến ngày 22/10/2015

+ Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 22/10/2015: Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng

+ Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)

- Khế ước nhận nợ số 0024/2015/HVT/KU02 ngày 11/03/2015

+ Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.)

+ Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh và sản xuất ống cút nhựa

+ Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 11/03/2015 đến ngày 11/12/2015

+ Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 24/03/2016; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng

+ Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn ./.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VỤ ÁN

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim Dung**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Cựu Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Thế Cường**, sinh năm 1982;

ĐKHKTT: Thôn Cựu Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Kim Dung và anh Hoàng Thế Cường kết hôn có tìm hiểu, thỏa thuận đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội vào ngày 09/12/2005. Sau khi được hai gia đình tổ chức cưới thì vợ chồng ở chung với gia đình anh Cường tại Thôn Cựu Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau nên luôn bất đồng quan điểm sống. Ngày 04/3/2010, anh Cường đã phạm tội Giết người và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà nội xử phạt 20 năm tù và hiện anh Cường đang phải chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng sống với nhau không

còn tình cảm, anh Cường đi tù chị Dung không thể chờ đợi được nên chị xin được ly hôn anh Cường.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

- Tại bản tự khai tại trại giam Thanh Xuân, bị đơn anh Hoàng Thế Cường thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Dung là đúng. Theo anh Cường, sau khi kết hôn anh và chị Dung chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Năm 2010 anh cường phạm tội Giết người và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 20 năm tù. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Và cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị Dung làm đơn xin ly hôn, ý kiến của anh là đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai và anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử vắng mặt.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Ngoài yêu cầu, đề nghị trên thì anh Cường không có yêu cầu và đề nghị gì khác.

NHẬN XÉT:

- Về tố tụng: Anh Hoàng Thế Cường vắng mặt tại phiên tòa do anh đang phải chấp hành hình phạt tù và đề nghị Tòa an xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi và bổ sung năm 2011 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Dung và Hoàng Thế Cường kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2005 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Dung và anh Cường đã có thời gian sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do hai bên có tính cách và lối sống không hợp nhau. Năm 2010, anh Cường phạm tôi Giết người và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Xuân. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2010.

Như vậy, giữa chị Dung và anh Cường vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa hai bên không còn tồn tại, mục đích của việc kết hôn không đạt được. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Dung kiên quyết xin được ly hôn anh Cường, vì theo chị tình cảm của chị với anh Cường không còn và anh Cường hiện đang phải chấp hành án nên chị không thể chờ đợi được.

Xét chị Dung kiên quyết xin ly hôn và tình cảm của chị Dung với anh Cường không còn, vợ chồng đã có mâu thuẫn, mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên chấp nhận và xử cho chị Dung được ly hôn với anh Cường.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Dung, anh Cường đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ cũng không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

ĐỀ XUẤT:

Áp dụng các Điều 89; 91 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Thịnh được ly hôn anh Hoàng Thế Cường.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

THẨM PHÁN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Kiều Duy Chinh